

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH TÂY NINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 46/2018/HS-PT

Ngày: 03-5-2018

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN TỈNH TÂY NINH

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Phạm Thị Thanh Giang

Các Thẩm phán: Bà Trần Thị Kim Sang

Ông Trần Quốc Tuấn

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Đức Đăng – Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Tây Ninh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Tây Ninh tham gia phiên tòa:
Ông Nguyễn Hồng Lạc - Kiểm sát viên.

Ngày 03 tháng 5 năm 2018 tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Tây Ninh xét xử phúc thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 49/2017/TLPT-HS ngày 20 tháng 3 năm 2018 đối với bị cáo Tạ Châu T do có kháng cáo của bị cáo và kháng nghị của Viện kiểm sát nhân dân huyện GD, tỉnh Tây Ninh đối với Bản án hình sự sơ thẩm số: 10/2018/HS-ST ngày 12 tháng 02 năm 2018 của Tòa án nhân dân huyện GD, tỉnh Tây Ninh.

Bị cáo có kháng cáo, bị kháng nghị:

1. Tạ Châu T, sinh năm 1989, tại tỉnh Tây Ninh; nơi cư trú: Ấp XM, xã PT, huyện GD, tỉnh Tây Ninh; nghề nghiệp: Công nhân; trình độ văn hoá: 9/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Tạ Văn B, sinh năm 1962 và bà Đặng Thị H, sinh năm 1965; có vợ tên Nguyễn Thị L, sinh năm 1992 (là bị cáo trong vụ án) và 01 người con sinh năm 2017; tiền án, tiền sự: Không có;

Bị áp dụng Lệnh cấm đi khỏi nơi cư trú số: 75/LCĐKNCT ngày 06/11/2017 của Công an huyện GD. (có mặt)

2. Nguyễn Thị L, sinh năm 1992, tại tỉnh Tây Ninh; nơi ĐKKTT: Ấp BK, xã ĐT, huyện TB, tỉnh Tây Ninh; nơi cư trú: Ấp XM, xã PT, huyện GD, tỉnh Tây Ninh; nghề nghiệp: Nội trợ; trình độ văn hoá: 12/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nữ; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn Văn D, sinh năm 1964 và bà Nguyễn Thị G, sinh năm 1967; có chồng tên Tạ Châu T,

sinh năm 1989 (là bị cáo trong vụ án) và có 01 người con sinh năm 2017; tiền án, tiền sự: Không có;

Bị áp dụng Lệnh cấm đi khỏi nơi cư trú số: 76/LCĐKNCT ngày 06/11/2017 của Công an huyện GD. (có mặt)

Trong vụ án còn có người bị hại, không có kháng cáo, kháng nghị. Tòa án không triệu tập.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 08 giờ ngày 07-10-2017, bị cáo Tạ Châu T điều khiển xe mô tô biển số 70F1-012.12 của cha bị cáo, chở vợ là bị cáo Nguyễn Thị L sang Campuchia đánh bạc bị thua nên bị cáo cầm xe được 2.000.000 đồng rồi tiếp tục đánh bạc. Do thiếu tiền chuộc xe, sợ về nhà bị la mắng; biết nhà của bác ruột là ông Tạ Văn C ở ấp XM, xã PT, huyện GD không có người trông giữ, trong nhà có để xe mô tô nên bị cáo T đã bàn với bị cáo L trộm xe của ông C đem qua Campuchia cầm lấy tiền chuộc lại xe thì L đồng ý, lúc này trời tối nên các bị cáo ngủ lại tại Campuchia.

Đến khoảng 18 giờ ngày 08-10-2017, các bị cáo đón xe về Việt Nam đến nhà ông C, như đã bàn bạc trước đó. Khi đến ấp CD, xã PT, huyện GD, bị cáo T vào tiệm đồ điện mua 02 lưỡi cưa sắt, rồi cùng bị cáo L đến nhà của ông C. Bị cáo T sử dụng 02 lưỡi cưa sắt cưa khoen móc ổ khóa cửa chính, L đứng canh giới. Đến khoảng 21 giờ cùng ngày, sau khi cưa khoen móc ổ khóa bị đứt, T cùng L đi vào trong nhà đến phòng ngủ lấy xe mô tô hiệu Honda Wave Alpha biển số 72E1-006.28 của ông C đẩy ra ngoài. Bị cáo T điều khiển xe chở bị cáo L sang Campuchia cầm được 8.200.000 đồng, lấy tiền chuộc lại xe mô tô biển số 70F1-012.12, đưa cho bị cáo L 2.000.000 đồng, số tiền còn lại bị cáo T cất giữ.

Đến khoảng 09 giờ ngày 09-10-2017, khi biết nhà của ông C bị mất trộm, bà Đặng Thị H là mẹ ruột của bị cáo T gọi điện thoại hỏi bị cáo T có lấy xe của ông C hay không nhưng bị cáo không trả lời. Sau đó, hai bị cáo về nhà thừa nhận lấy xe của ông C và xin bà H 7.000.000 đồng rồi sang Campuchia chuộc lại xe mô tô biển số 72E1-006.28 với giá 13.500.000 đồng, đem về giao nộp cho Công an xử lý.

Theo Kết luận định giá tài sản số: 102 ngày 23-11-2017 của Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự huyện GD kết luận: Xe mô tô hiệu Honda Wave Alpha biển số 72E1-006.28 có giá trị 11.000.000 đồng.

Tại bản án hình sự sơ thẩm số: 10/2018/HSST ngày 12/02/2018 của Tòa án nhân dân huyện GD, tỉnh Tây Ninh, đã xử:

Tuyên bố bị cáo Tạ Châu T, Nguyễn Thị L phạm tội “Trộm cắp tài sản”.

Áp dụng điểm a khoản 2 Điều 138; điểm b, p khoản 1 Điều 46 của Bộ luật Hình sự năm 1999. Xử phạt bị cáo Tạ Châu T 02 năm 06 tháng tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt bị cáo đi thi hành án.

Áp dụng điểm a khoản 2 Điều 138; điểm b, l, p khoản 1 Điều 46; Điều 60 của Bộ luật Hình sự năm 1999. Xử phạt bị cáo Nguyễn Thị L 02 năm tù, cho hưởng án treo. Thời gian thử thách là 04 năm tính từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn tuyên về xử lý vật chứng, án phí và quyền kháng cáo theo luật định.

Ngày 21 tháng 02 năm 2018 bị cáo T có đơn kháng cáo với nội dung: Vợ chồng bị cáo chỉ nói và cùng đồng ý thực hiện việc lấy xe của bác C, mục đích chính là xin tiền gia đình để xoay sở việc cá nhân, vợ (bị cáo L) mới sinh con nhỏ, kinh tế gia đình khó khăn, bị cáo là lao động chính, xin được hưởng án treo hoặc cải tạo không giam giữ.

Tại Quyết định Kháng nghị số: 01/QĐ-VKSGD ngày 22 tháng 02 năm 2018 của Viện kiểm sát nhân dân huyện GD có nội dung: Các bị cáo phạm tội thuộc trường đồng phạm giản đơn, có nhân thân tốt, có nhiều tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, đề nghị Tòa án cấp phúc thẩm xét xử theo hướng áp dụng khoản 1 Điều 138 của Bộ luật Hình sự năm 1999 và giảm mức hình phạt đối với bị cáo Tạ Châu T và Nguyễn Thị L.

Tại phiên tòa phúc thẩm, bị cáo T giữ nguyên nội dung kháng cáo; Viện kiểm sát giữ nguyên nội dung kháng nghị.

Trong phần tranh luận, đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Tây Ninh đề nghị: Căn cứ điểm b khoản 2 Điều 355; Điều 357 của Bộ luật Tố tụng hình sự. Chấp nhận kháng cáo của bị cáo T. Chấp nhận kháng nghị của Viện kiểm sát huyện GD. Sửa bản án sơ thẩm. Áp dụng khoản 1 Điều 138; điểm b, h, p khoản 1, khoản 2 Điều 46 của Bộ luật Hình sự. Xử phạt bị cáo T từ 06 tháng đến 09 tháng tù. Xử phạt bị cáo L từ 06 tháng đến 09 tháng tù cho hưởng án treo và ấn định thời gian thử thách cho bị cáo L.

Miễn hình phạt bổ sung cho hai bị cáo.

Bị cáo T, L không tranh luận.

Lời nói sau cùng của bị cáo T: Thấy được hành động của mình là sai trái, ăn năn hối lỗi, lần đầu phạm tội, xin được giảm nhẹ hình phạt.

Lời nói sau cùng của bị cáo L: Bị cáo mới sinh con nhỏ cần có sự chăm sóc của chồng, xin giảm nhẹ cho bị cáo T.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Các bị cáo thừa nhận hành vi phạm tội như sau: Biết rõ ông Tạ Văn C vắng nhà, khoảng 19 giờ 30 phút ngày 09/10/2017 lợi dụng đêm tối bị cáo T và L lén lút mở chốt cổng rào phụ phía sau nhà ông C vào trong và dùng cửa sắt cửa khoen cửa chính để vào trong nhà lấy chiếc xe mô tô biển số 72E1-006.28 trị giá 11.000.000 đồng, điều khiển sang Campuchia thể chấp lấy tiền tiêu xài. Cấp sơ thẩm xét xử các bị cáo về tội “Trộm cắp tài sản” theo Điều 138 của Bộ luật Hình sự năm 1999 là có căn cứ.

[2] Xét tính chất, mức độ nguy hiểm do hành vi phạm tội của các bị cáo gây ra, thấy rằng: Hai bị cáo T và L liên tục cùng nhau xuất và nhập cảnh từ Việt Nam sang Campuchia từ ngày 06/10/2017 đến 09/10/2017, mục đích xuất cảnh là đánh bạc, trong thời gian ngắn hai bị cáo thực hiện liên tiếp từ vi phạm này đến vi phạm pháp luật khác và đánh bạc là tệ nạn xã hội, là mầm móng phát sinh tội phạm, nhận thức rõ việc lấy xe mô tô của ông C là sai trái, vi phạm pháp luật nhưng vẫn cố ý thực hiện vì mục đích, động cơ tư lợi cá nhân, muốn thỏa mãn máu mê cờ bạc mà bất chấp pháp luật, đã xâm phạm tài sản của người khác được pháp luật bảo vệ, gây mất trật tự an toàn xã hội. Cần xử lý nghiêm các bị cáo để đảm bảo tính răn đe, giáo dục riêng và phòng ngừa chung.

[3] Xét kháng cáo của bị cáo Thanh và Kháng nghị của Viện kiểm sát huyện GD, thấy rằng: Ngày 07/10/2017 bị cáo T đánh bạc thua hết tiền nên nảy sinh ý định về Việt Nam lấy xe của bác ruột sang Campuchia thể chấp, cả hai thống nhất ý chí cùng nhau thực hiện, không thể hiện rõ việc phân công nhiệm vụ, vai trò cụ thể của từng người như thế nào, chưa thể hiện rõ có sự câu kết chặt chẽ giữa những người cùng thực hiện tội phạm, vì vậy các bị cáo phạm tội thuộc trường hợp đồng phạm giản đơn. Cấp sơ thẩm áp dụng điểm a khoản 2 Điều 138 của Bộ luật Hình sự năm 1999 xét xử hai bị cáo với tình tiết định khung “phạm tội có tổ chức” là chưa chuẩn xác.

Đối với bị cáo L tại thời điểm phạm tội là người có thai, hiện đang nuôi con nhỏ, thực hiện chính sách khoan hồng của Nhà nước, cấp sơ thẩm đã áp dụng chế định án treo đối với bị cáo L là thỏa đáng. Đối với bị cáo T là người khởi xướng, chuẩn bị công cụ và trực tiếp thực hành, sau đó đem xe thể chấp...thể hiện tính nguy hiểm cho xã hội cao. Mức án cấp sơ thẩm đã xử đối với hai bị cáo là phù hợp. Bị cáo T trình bày là lao động chính trong gia đình, vợ sinh con nhỏ đây không phải là tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự.

Từ nhận định trên có căn cứ chấp nhận một phần kháng nghị của Viện kiểm sát huyện GD và không có căn cứ chấp nhận kháng cáo của bị cáo T.

Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực thi hành, kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

[4] Về án phí: Bị cáo T phải chịu 200.000 đồng (hai trăm nghìn) tiền án phí hình sự phúc thẩm. Bị cáo L không phải chịu án phí hình sự phúc thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Căn cứ vào điểm b khoản 1, khoản 2 Điều 355; Điều 356; Điều 357 của Bộ luật Tố tụng hình sự;

Không chấp nhận kháng cáo của bị cáo Tạ Châu T.

Chấp nhận một phần Kháng nghị số: 01/QĐ-VKSGD ngày 22/02/2018 của Viện kiểm sát nhân dân huyện GD, tỉnh Tây Ninh.

Sửa Bản án sơ thẩm số: 10/2018/HSST ngày 12/02/2018 của Tòa án nhân dân huyện GD, tỉnh Tây Ninh.

Tuyên bố các bị cáo Tạ Châu T, Nguyễn Thị L phạm tội “Trộm cắp tài sản”.

Áp dụng khoản 1 Điều 138; điểm b, h, p khoản 1, khoản 2 Điều 46 của bộ luật Hình sự năm 1999;

Xử phạt bị cáo Tạ Châu T 02 (hai) năm 06 (sáu) tháng tù. Thời hạn thi hành hình phạt tù tính từ ngày bắt bị cáo đi chấp hành án.

Áp dụng khoản 1 Điều 138; điểm b, h, l, p khoản 1, khoản 2 Điều 46 của Bộ luật Hình sự năm 1999;

Xử phạt bị cáo Nguyễn Thị L 02 (hai) năm tù cho hưởng án treo, thời gian thử thách là 04 (bốn) năm tính từ ngày tuyên án sơ thẩm (12/02/2018).

Miễn hình phạt bổ sung cho hai bị cáo.

Giao bị cáo L cho Ủy ban nhân dân xã PT, huyện GD, tỉnh Tây Ninh giám sát và giáo dục. Gia đình của bị cáo L có trách nhiệm phối hợp với chính quyền địa phương trong việc giám sát và giáo dục bị cáo L.

Trong trường hợp bị cáo L thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo khoản 1 Điều 69 của Luật Thi hành án hình sự.

2. Án phí: Bị cáo T phải chịu 200.000 đồng (hai trăm nghìn) tiền án phí hình sự phúc thẩm. Bị cáo L không phải chịu án phí hình sự phúc thẩm.

3. Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực thi hành kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./.

Nơi nhận:

- Vụ GDKT1. TANDTC. tại Hà Nội;
- VKSND. TTN;
- TAND huyện GD;
- Công an huyện GD;
- Chi cục THADS huyện GD;
- VKSND huyện GD;
- Phòng PV27. CATN;
- Phòng lý lịch Sở Tư pháp TTN;
- Bị cáo;
- UBND xã PT, GD;
- Những người tham gia tố tụng;
- Phòng KTNV&THA. TATTN;
- Lưu hồ sơ;
- Lưu tập án THS.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA****(Đã ký)****Phạm Thị Thanh Giang**